

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/04/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD8	7:25	18	0		19	0	ec225
2		ClO+PPD+P1	7:25	8+13+0	0+0+0		5+16+1	0+0+0	
3		P8+P4+BK5	7:25	6+15+0	0+0+0		1+19+2	0+0+0	
4		ClI+RC5+RP1	7:25	22+0+0	0+0+0		19+3+0	0+0+0	chuyen 1 rc5-rp1
5		CTK3	9:25	22	0		22	0	1nb ve
6		PBDA+BK3+RP3	9:25	8+0+12	0+0+0		2+6+13	0+0+0	
7		BK14+BK9	9:25	13+8	0+0		13+8	0+0	
8		MRM+CTC1+P4	11:25	12+1+5	0+0+0		7+3+12	0+0+0	
9		PVD8+PPD	11:25	10+9	0+0		12+9	0+0	
10		CTK3+ClI	11:25	8+12	0+0		7+15	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:50
B.CARD: TRANG - 1	TO: PVD8	CREW: HLONG - VLINH	ETA: 09:50
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/1839	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRAN ĐỨC CƯỜNG	PVD8	42	1	10			68	PVDO	Vietnamese
2	BUI TRỌNG TOÀN	PVD8	52	1	7			81	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM ĐĂNG KHÔI	PVD8	47	1	12			92	KHOAN	Vietnamese
4	TRƯƠNG NHẬT QUANG	PVD8	38-39	2	17	1	3	79	PVD LOGG	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU THANH	PVD8	35	1	8			81	PVD DD	Vietnamese
6	MAGALLANES REMEPHER GOLILAT	PVD8	32-33	2	21			75	PVD DD	Filipino
7	BUI QUỐC THU	PVD8	41	1	8			70	PVD DD	Vietnamese
8	HOANG TRỌNG CHỨC	PVD8	29	1	10			76	PVD DD	Vietnamese
9	NGUYỄN MẠNH TUẤN	PVD8	44	1	11			52	PVD DD	Vietnamese
10	JOHN WILLIAM MURDOCH	PVD8	45	1	5			122	PVD DD	British
11	ĐỖ MẠNH LONG	PVD8	30	1	4			85	PVDO	Vietnamese
12	TRẦN VĂN THÊU	PVD8	31	1	5			78	PVDO	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	PVD8	34	1	7			58	PVDO	Vietnamese
14	BUI VĂN TUẤN	PVD8	37	1	3			69	PVDO	Vietnamese
15	NGUYỄN VŨ QUANG ANH	PVD8	36	1	5			76	PVDO	Vietnamese
16	LY A BÌNH	PVD8	43	1	3	1	13	64	PVDO	Vietnamese
17	TRAN DẠC LIÊM	PVD8				3	89	88	ANTOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU VIỆT	PVD8	46	1	10			71	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	18	1.385	19	146	5	105	19		
TOTAL		18	1.385	19	146	5	105	19		
WEIGHT KG			1.385		146		105			

GRAND TOAL: 1.636 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI KIEU THU

CREW

DINH HOANG LONG
TRINH VINH LINH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: CLO - PPD - P1	CREW: DƯƠNG - HTRUNG - HUY	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/1841	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOANG VAN HOA	CLO	36-37	2	16			73	GPWS	Vietnamese
2	NGUYEN THANH NAM	CLO	38	1	13			104	GPWS	Vietnamese
3	TRUONG QUANG NAM	CLO	35	1	13	2	30	92	GPWS	Vietnamese
4	TRAN TRUNG	CLO	33-34	2	13			64	GPWS	Vietnamese
5	PHAM MINH HUNG (FOC)	CLO	39	1	13			80	GPWS	Vietnamese
6	NGUYEN HUU HOANG ANH	CLO	29	1	8			115	KH-THAC	Vietnamese
7	LE MINH HIEU	CLO	30-31	2	13			70	KH-THAC	Vietnamese
8	DANG DU KHANH	CLO	32	1	14			77	KH-THAC	Vietnamese
9	LAM QUANG NAM	PPD	52	1	9			76	KHI	Vietnamese
10	BUI HUU LAN	PPD	54	1	4			77	KHI	Vietnamese
11	TU NGOC HAI	PPD	50-51	2	9			75	KHI	Vietnamese
12	PHAM DUC TUAN	PPD	49	1	4			70	KHI	Vietnamese
13	HOANG NGUYEN TAN DAT	PPD	48	1	9			57	KHI	Vietnamese
14	TRAN DUC DUY	PPD	45-46	2	10			70	KHI	Vietnamese
15	DO VAN THANH	PPD	56	1	10			82	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN VAN VINH	PPD	44	1	6			66	KHI	Vietnamese
17	HOANG MINH HIEU	PPD	47	1	5			70	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN VIET DAI	PPD	55	1	5			72	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC THU	PPD	57	1	7			62	KHI	Vietnamese
20	HUYNH NAM LONG	PPD	43	1	6			75	KHI	Vietnamese
21	PHAM DUC TOAN LUC	PPD	53	1	5			81	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	8	675	11	103	2	30	5		
2	PPD	13	933	15	89	0	0	16		
3	P1	0	0	0	0	2	20	1		
TOTAL		21	1.608	26	192	4	50	22		
WEIGHT KG			1.608		192		50			

GRAND TOTAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI ANH

CREW

BUI HOANG DUONG

NGUYEN DUC HANH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
B.CARD: CA13-1	TO: P8 - P4 - BK5	CREW: NAM - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/1844	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN VU QUY	P8	71	1	6	1	5	76	XAYLAP	Vietnamese
2	HOANG XUAN VINH	P8	53	1	13	1	10	80	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN THE VAN	P8	52	1	7	2	40	78	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAM HOAI NAM	P8	70	1	5			85	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN DUY ANH	P8	55	1	8			68	NIPI	Vietnamese
6	QUACH THANH ĐỘ	P8	40-41	2	17			65	DK9	Vietnamese
7	NGUYEN BACH DUONG	P4	91	1	5			72	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN MINH ĐỨC	P4	87	1	4			103	KHI	Vietnamese
9	HOANG TRỌNG TÂN	P4	900	1	7			72	KHI	Vietnamese
10	TRAN SON NAM	P4	88	1	8			86	KHI	Vietnamese
11	VÔ HỒNG TIN	P4	94	1	7			80	YTE	Vietnamese
12	LE VAN HUONG	P4	90	1	4			60	KHI	Vietnamese
13	LUONG TUAN CHUNG	P4						73	KHI	Vietnamese
14	PHAM VAN QUYEN	P4	96-97	2	18			80	KHI	Vietnamese
15	HOANG VAN HUNG	P4						80	KHI	Vietnamese
16	ZHURBIN N.B	P4	99	1	5			84	KHI	Russian
17	TRAN SON TIEN	P4	95	1	6			69	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN CHIEN CONG	P4	93	1	4			65	KHI	Vietnamese
19	TA VAN QUYNH	P4	98	1	3			73	KHI	Vietnamese
20	VU NGOC TUAN	P4	89	1	4			82	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN VIET THANG	P4	92,86	2	11			79	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	6	452	7	56	4	55	1		
2	P4	15	1.158	15	86	0	0	19		
3	BK5	0	0	0	0	2	40	2		
TOTAL		21	1.610	22	142	6	95	22		
WEIGHT KG			1.610		142		95			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

TRẦN HỒNG NAM
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: CLI - RC5 - RP1	CREW: LINH - TTRUNG - HIẾU	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/1847	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN CÔNG LÂM	CLI	28-29	2	10	2	40	70	KH-THAC	Vietnamese
2	KHOROSENKOV	CLI	15	1	6			78	KH-THAC	Russian
3	TRƯỜNG HIẾN	CLI	21	1	11			89	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN HỮU DƯƠNG	CLI	23-24	2	13			65	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ MINH TIẾN	CLI	26-27	2	8			64	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN TUẤN	CLI	31-32	2	12			73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG NGẠN	CLI	36	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ ĐÌNH VĂN	CLI	20	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT HOÀ	CLI	22	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN LINH	CLI	11	1	5			51	YTE	Vietnamese
11	HOÀNG QUỐC VIỆT	CLI	17	1	8			64	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ DUY CƯỜNG	CLI	30	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG VĂN NHAN	CLI	35	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU THÔNG	CLI	16	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRẦN GIANG NAM	CLI	13	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC SƠN	CLI	25	1	2			77	KH-THAC	Vietnamese
17	HUYNH TRỌNG KIM	CLI	18	1	14			78	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN ANH VIỆT	CLI	12	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
19	KHAVANZHAN R.N	CLI	14	1	7			80	KH-THAC	Russian
20	HOANG NGỌC ĐỒNG	CLI	33-34	2	12			82	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN DUNG	CLI	09-10	2	16			73	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH LONG	CLI	19	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLI	22	1.589	28	170	2	40	19		
2	RC5	0	0	0	0	1	20	3	CHUYỂN 1 PAX RC5-RP1	
3	RP1	0	0	0	0	1	6	0		
TOTAL		22	1.589	28	170	4	66	22		
WEIGHT KG			1.589		170		66			

GRAND TOTAL: 1.825 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH
 NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: CTK3	CREW: DUONG - HTRUNG - HUY	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/1842	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BUI VAN DOANH	CTK3	57	1	8	1	20	66	YTE	Vietnamese
2	NGUYEN MAI SON	CTK3						73	SANBAY	Vietnamese
3	CAO VAN DAU	CTK3	54	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
4	VU XUAN TRUC	CTK3	59	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DUC HUNG	CTK3	53	1	7			44	KH-THAC	Vietnamese
6	VU XUAN THANH	CTK3	47	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
7	DO VAN TRI	CTK3	66	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG PHUONG NAM	CTK3	48	1	12			70	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI TIEN DUNG	CTK3	65	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
10	DINH NHO HOANG	CTK3	61	1	7			90	KH-THAC	Vietnamese
11	TRUONG QUOC BAO	CTK3	46	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN VAN CHUYEN	CTK3	56	1	4			51	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM NGOC CHIEN	CTK3	52	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
14	TONG TIEN QUANG	CTK3	50	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
15	TRUONG VAN HAI	CTK3	67	1	5			81	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HONG MINH	CTK3	62-63	2	20			93	KH-THAC	Vietnamese
17	LE CONG AN	CTK3						69	KH-THAC	Vietnamese
18	LE NGOC GIAO	CTK3	51	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN QUANG TIEN	CTK3	60	1	12			78	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRONG MANH	CTK3	58	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN QUOC THUAN	CTK3	55	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG VIET HUNG	CTK3	49	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	22	1.535	21	150	1	20	22		+1NB VE GHE PHU THAI QUANG HUY
TOTAL		22	1.535	21	150	1	20	22		
WEIGHT KG			1.535		150		20			

GRAND TOAL: 1.705 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI THU HUONG

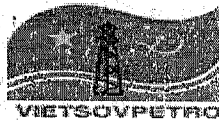
CREW

BUI HOANG DUONG

NGUYEN DUC HANH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: PBDA - BK8 - RP3	CREW: NAM - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/1845	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VORONTCOV ALEKSANDR	PBDA	41,48	2	17			114	B-1336	Russian
2	KROKHALEV MIKHAIL	PBDA	50-51	2	15			99	B-1336	Russian
3	ĐANG ĐÌNH PHÚC	PBDA	53	1	8			89	KHOAN	Vietnamese
4	RUBTSOV DENIS	PBDA	43-44	2	14			50	AMHTP	Russian
5	SOBOLEV VALERII	PBDA	46	1	14			78	AMHTP	Russian
6	SERBAYLO VALERIY	PBDA	45	1	12			77	AMHTP	Russian
7	ZHIGULIN ANTON	PBDA	49	1	20			97	AMHTP	Russian
8	TELICHKO KONSTANTIN	PBDA	52	1	7			85	AMHTP	Russian
9	AKOPV DAVID	RP3	66	1	8			88	KH-THAC	Russian
10	NGUYỄN MINH VIỆN	RP3	64-65	2	11			79	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN NAM	RP3	68	1	8			78	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC ANH	RP3	63	1	6			73	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TÂN	RP3						64	KHI	Vietnamese
14	HOANG ĐỨC LAM ANH	RP3	60	1	3			78	KHI	Vietnamese
15	DƯƠNG VĂN VAO	RP3	67	1	6			81	KHI	Vietnamese
16	LÊ XUÂN VIỆT	RP3	58	1	6			78	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN TRUNG KIẾN	RP3	69	1	5			71	KHI	Vietnamese
18	HOANG VĂN CHIẾN	RP3	59	1	10			70	KHI	Vietnamese
19	PHẠM DUY DŨNG	RP3						76	KHI	Vietnamese
20	PHAN ANH KHANG	RP3	61	1	5	1	17	66	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PBDA	8	689	11	107	0	0	2		
2	BK8	0	0	0	0	2	25	6		
3	RP3	12	902	11	68	1	17	13		
TOTAL		20	1.591	22	175	3	42	21		
WEIGHT KG			1.591		175		42			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

TRẦN HỒNG NAM
 NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO: BK14 - BK9	CREW: LINH - TTRUNG - HIẾU	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/1848	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHAM THANH TAI	BK14	38	1	12	2	25	81	KH-THAC	Vietnamese
2	LE ANH TUAN (17373)	BK14	29	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN HAI VIET	BK14	47	1	9			90	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HOANG NGUYEN	BK14	39	1	5			87	KH-THAC	Vietnamese
5	LE MINH ĐỨC	BK14	39-40	2	20			78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HIẾU TRUNG	BK14	24	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN PHUC PHUONG	BK14	48	1	3			82	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NHAN KHANH	BK14	42	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
9	LE NGOC HAI	BK14	43-44	2	20			96	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN BA LINH	BK14	45	1	10	1	14	58	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM DUY PHUC	BK14	25-26	2	18			69	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN QUANG HUY	BK14	27-28	2	22			92	DVL	Vietnamese
13	HOANG VIET ANH	BK14	41	1	7			69	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG MINH	BK9	14	1	7	3	60	66	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐANG HOANG ANH	BK9	17	1	10			90	KH-THAC	Vietnamese
16	VÕ THỂ HẬU	BK9	10	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
17	LE THANH HA	BK9	16	1	10			76	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN LE TUNG	BK9	08-09	2	8			59	KH-THAC	Vietnamese
19	LE HUY	BK9	15	1	8			65	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN ANH TIEN	BK9	12-13	2	17			64	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐỖ LY KHANH	BK9	11	1	11			82	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK14	13	1.029	17	144	3	39	13		
2	BK9	8	571	10	79	3	60	8		
TOTAL		21	1.600	27	223	6	99	21		
WEIGHT KG			1.600		223		99			

GRAND TOAL: 1.922 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BUI THỊ HIẾN LƯƠNG

CREW

NGO VĂN LINH

NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO:MRM - CTC1 - P4	CREW: DUONG - N.ANH - NNAM	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/1843	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRAN VAN NGHIA	MRM	11	1	15			81	DVL	Vietnamese
2	DUONG BA VINH	MRM	09	1	14			96	DVL	Vietnamese
3	NGUYEN VAN HOI	MRM	10	1	15			66	DVL	Vietnamese
4	BAZARALIEV DZHAMBUL	MRM	07	1	3	1	20	90	AMHIP	Russian
5	SHAKIN MIKHAIL	MRM	05-06	2	15			82	AMHIP	Russian
6	PIMAKIN OLEG	MRM	02	1	10			119	AMHIP	Russian
7	MAI VAN SANG	MRM	16	1	9			86	AMHIP	Vietnamese
8	VU DINH TUAN	MRM	12-13	2	13			75	AMHIP	Vietnamese
9	BUI TRONG VINH	MRM	14	1	8			68	AMHIP	Vietnamese
10	DANG PHU LOI	MRM	03	1	6			64	AMHIP	Vietnamese
11	TRAN MANH TOAN	MRM	25	1	7			66	AMHIP	Vietnamese
12	DANG PHU THANH	MRM	04	1	7			77	AMHIP	Vietnamese
13	TRAN VAN VINH	CTC1	35-36	2	19	2	26	70	XAYLAP	Vietnamese
14	PHAM VAN HA	P4	26-27	2	20	3	53	73	KH-THAC	Vietnamese
15	VU TRUNG KIEN	P4	25	1	15			74	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANH LUAN	P4	21	1	11			59	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN QUOC HUNG	P4	24	1	16			90	KH-THAC	Vietnamese
18	VU THAI THANH	P4	22-23	2	18			78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK	
		PAX	PAX WT	BAG.		PAX	CARGO		
				PCS	WT				PCS
1	MRM	12	970	14	122	1	20	7	
2	CTC1	1	70	2	19	2	26	3	
3	P4	5	374	7	80	3	53	12	
TOTAL		18	1.414	23	221	6	99	22	
WEIGHT KG			1.414		221		99		

GRAND TOAL: 1.734 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: PVD8 - PPD	CREW: HUNG - N.CUONG - THU	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 9	VNHS FLIGHT: TM26/1846		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRAN VAN KIEN	PVD8	11	1	5	1	13	60	PVDO	Vietnamese
2	TRUONG CONG DIEN	PVD8	02-03	2	8	1	9	73	PVDO	Vietnamese
3	DANG VAN KIEM	PVD8	06	1	7			76	PVDO	Vietnamese
4	VO NGOC PHU	PVD8	12	1	10			66	PVDO	Vietnamese
5	LE TAT VINH	PVD8	13	1	5			75	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN QUOC TRUNG	PVD8	14-15	2	7			68	PSV	Vietnamese
7	LE CONG LUAN	PVD8	04	1	18	1	5	72	DMC-MI	Vietnamese
8	DUONG VAN MANH	PVD8	08-09	2	13	2	7	65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRAN DUC KHANH	PVD8	10	1	5			66	GETRACO	Vietnamese
10	PHAN MANH CUONG	PVD8	16	1	5			85	ANTOAN	Vietnamese
11	PHAM XUAN QUANG (XU)	PVD8	07	1	5			68	NHATHAU	Vietnamese
12	PHAM HONG THAI	PPD	61	1	6	4	68	65	KHI	Vietnamese
13	DOAN DUY HUNG	PPD	60	1	6			85	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG DAI NGHIA	PPD	63	1	4			78	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN HUYNH	PPD	66	1	4			49	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN MANH TRUONG	PPD	62	1	5	1	13	72	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN DUC NGOC	PPD	67	1	7			64	KHI	Vietnamese
18	TRAN SON HAI	PPD	59	1	6			76	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN DINH CUONG	PPD	58	1	6			74	KHI	Vietnamese
20	DAU TRONG HOANG	PPD	64-65	2	8			65	KHI	Vietnamese
21	DOAN THANH CONG	PPD	68	1	8			72	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	11	774	14	88	5	34	12		
2	PPD	10	700	11	60	5	81	9		
TOTAL		21	1.474	25	148	10	115	21		
WEIGHT KG			1.474		148		115			

GRAND TOAL: 1.737 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

LÊ QUÝ HUNG

PHAN NHƯ CƯƠNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:20
B.CARD: TRẮNG-3	TO: CTK3 - CLI	CREW: LINH - CHIÊN - QTRƯỜNG	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM26/1849	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHAN KHÁC THĂNG	CTK3	73	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH CÔNG	CTK3	71-72	2	8			64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	CTK3	77	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÌNH QUANG HOÀN	CTK3	76	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG PHÚC THĂNG	CTK3	70	1	4			86	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THIỆN TOÀN	CTK3	68	1	6	1	25	73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NAM	CTK3	74-75	2	13			73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG HIẾN	CTK3	69	1	2			67	HVJOC	Vietnamese
9	MAI PHÚC LINH	CLI	01	1	4	2	30	80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH DÂN	CLI	03-04	2	15			68	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN XUÂN THUY	CLI	06	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH BÌNH	CLI	02	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ NHẬT HÙNG CƯỜNG	CLI	05	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	CLI	50	1	15			92	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	CLI	51-52	2	16			104	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC TUẤN	CLI	54-55	2	15			75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC THƯỜNG	CLI	105	1	5			66	PSV	Vietnamese
18	LÊ NHỎ CANG	CLI	104	1	7			72	PSV	Vietnamese
19	ARTIUSHIN	CLI	53	1	13			87	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	8	561	10	48	1	25	7		
2	CLI	11	852	14	105	2	30	15		
TOTAL		19	1.413	24	153	3	55	22		
WEIGHT KG			1.413		153		55			

GRAND TOTAL: 1.621 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

NGÔ VĂN LINH

ĐỖ VĂN CHIÊN